

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 200/2023/DS-PT
Ngày 12 – 12 – 2023
Về tranh chấp nợ vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLPT-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân T, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 180/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị C: Bà Trương Thúy H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Xuân Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã T, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Xuân Đ: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 140, Đình Tiên Hoàng, Khóm 2, Phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lê Xuân Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong thời gian giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị C trình bày: Bà C và bà Lê Xuân Đ có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2019 và năm 2021 bà C có mượn nợ cho bà Lê Xuân Đ tổng số tiền 300.000.000 đồng. Cụ thể năm 2019 vay 200.000.000 đồng, năm 2021 vay 100.000.000 đồng. Bà Đ có viết biên nhận mượn tiền cho bà C. Bà C đã đứng ra trả hết tiền vay thay cho bà Đ, nhưng đến nay bà Đ vẫn không thanh toán cho bà C số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra, bà C còn đứng ra chơi hụi thay cho bà Đ với số tiền 90.000.000 đồng. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả lại cho bà C số tiền 390.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Chỉ yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn bà Lê Xuân Đ trình bày: Năm 2017 bà C vay tiền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hộ Phòng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng BIDV) số tiền 500.000.000 đồng. Bà C cho bà Đ vay lại số tiền 400.000.000 đồng, bà Đ có nghĩa vụ trả gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng BIDV số tiền mà bà C đã vay. Việc vay mượn tiền không có làm biên nhận do là chỗ quen biết. Tuy nhiên, đến năm 2019, năm 2021 thì bà C yêu cầu bà Đ viết 02 biên nhận này để làm tin, thực tế bà không có nhận số tiền 300.000.000 đồng. Hiện tại, bà Đ đã trả hết cho bà C số tiền đã vay của Ngân hàng BIDV, không còn nợ. Bà Đ không nhớ trả tiền vào thời gian nào, nhưng bà là người trực tiếp trả cho Ngân hàng BIDV nợ gốc và lãi tổng cộng khoản 650.000.000 đồng hiện bà còn giữ biên lai.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2023 và tại phiên tòa bà Trương Thị C xác định rút lại một phần nội dung khởi kiện, không yêu cầu bà Đ trả số tiền hụi 90.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân T, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với bà Lê Xuân Đ về việc tranh chấp nợ vay.

Buộc bà Lê Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị C số tiền nợ vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C về việc yêu cầu bà Lê Xuân Đ trả nợ hụi số tiền 90.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án; về chi phí tố tụng; về thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, bị đơn bà Lê Xuân Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị C. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Xuân Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Xuân Đ; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân T, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Xuân Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C khởi kiện yêu cầu bà Đ trả tiền nợ vay tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà C cung cấp 02 biên nhận, cụ thể: Biên nhận ngày 25/5/2019 bà Đ vay của bà C số tiền 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 10/3/2021 bà Đ vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với 02 biên nhận trên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2023, bà Đ thừa nhận cả 02 biên nhận do bà viết và ký ra. Bà Đ cho rằng vào năm 2017, bà có vay của bà C số tiền 400.000.000 đồng, nhưng do chỗ quên biết nên việc vay mượn tiền không làm biên nhận; sau đó đến năm 2019 và năm 2021, bà C yêu cầu bà viết 02 giấy nhận nợ trên để làm tin cho khoản vay 400.000.000 đồng. Thực tế bà không có vay số tiền như 02 biên nhận đã ghi.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là ông Nguyễn Văn Kh xác định bà Đ có vay của bà C số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/5/2019, nhưng đã được ông Nguyễn Văn M đứng ra bảo lãnh nợ và đã thanh toán xong, còn khoản vay 100.000.000 đồng ngày 10/3/2021 cũng đã trả đủ vào năm 2022 thông qua Ngân hàng BIDV.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2023, ông Nguyễn Văn M xác định: “Ông là người trả nợ thay cho bà Đ số tiền 200.000.000 đồng, việc giao trả tiền cho bà C vào ngày 02/12/2022 có sự chứng kiến của ông Phan Văn S (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã G), còn số tiền 100.000.000 đồng thì ông M nghe bà Đ nói lại đã thanh toán xong cho bà C. Ông M có xuất trình giấy bảo lãnh do ông M ghi vào ngày 24/5/2021”.

Tại biên bản xác minh ông Phan Văn S ngày 19/9/2023, ông S xác định: “Bà C có đến cơ quan làm việc của ông M (ông M là Trưởng Công an xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai) để đòi nợ vay 200.000.000 đồng, do bà C có xuất trình được giấy nhận nợ của ông M nên ông S có đứng ra yêu cầu bà C cho ông M thời gian trả nợ. Đến hạn trả nợ thì ông M có trả cho bà C số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng. Còn việc ông M có trả nợ thay

cho bà Đ hay không thì ông không biết. Việc nội dung ông M cho rằng đã trả nợ thay cho bà Đ số tiền 2000.000.000 đồng tại phòng làm việc của ông theo đơn xác nhận ngày 05/9/2023 là không chính xác”.

[3] Bà Đ xác định không có vay khoản tiền 300.000.000 đồng, còn người đại diện theo ủy quyền của bà Đ và lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn M do bà Đ yêu cầu xác minh thì cùng xác định bà Đ có vay tiền của bà C 200.000.000 đồng, ông M là người bảo lãnh trả nợ thay cho bà Đ và đã trả xong. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Đ lại xác định 02 giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2019 và ngày 10/3/2021 là không có thực tế, bà Đ không có vay của bà C số tiền này. Bà Đ có nợ bà C ở khoản vay khác và đã thanh toán xong.

[4] Xét thấy, lời khai của bà Đ và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà Đ và lời khai của người làm chứng do bà Đ cung cấp có sự mâu thuẫn lẫn nhau, nên không có cơ sở chấp nhận. Phía bà C không thừa nhận có việc ông M trả nợ thay bà Đ, điều đó phù hợp với lời khai của ông Phan Văn Sứ xác định ông M có viết biên nhận nợ bà C số tiền 200.000.000 đồng; còn việc ông M trả nợ thay cho bà Đ số tiền 200.000.000 đồng là không chính xác; ông Sứ là người mà ông M cho rằng chứng kiến việc ông M trả nợ thay cho bà Đ, thì xác định không biết sự việc này. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Đ có vay tiền của bà C theo 02 biên nhận ngày 25/5/2019 và ngày 10/3/2021 với tổng số tiền là 300.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán cho bà C. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử buộc bà Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Theo Biên bản xác minh bà Trương thị Sáu, ông Trương Thiện Tr thể hiện bà S cho bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, ông Tr cho bà C vay 200.000.000 đồng là vay dùm bà Đ, cụ thể bà S xác định: *“Năm 2021 Bà C có đến nhà bà vay 100.000.000 đồng cho bà Đ mượn lại, thì bà Sáu có đưa cho bà C mượn 02 lần mỗi lần 50.000.000 đồng, sau thời gian hứa nhưng không trả tiền thì bà S có đòi tiền bà C, thì bà Đ có đến gặp bà S và yêu cầu được đóng lãi nhưng bà S không đồng ý, thì bà C là người đứng ra trả 100.000.000 đồng cho bà S”*. Ông Tr xác định: *“ Vào năm 2019 bà C có đến nhà ông Tr mượn 200.000.000 đồng dùm bà Đ (ông nói vợ chồng bà C mượn thì cho mượn, còn bà Đ mượn thì không cho, thì vợ chồng bà C đồng ý vay 200.000.000 đồng và cho bà Đ mượn lại, ông Tr là người trực tiếp đưa tiền cho bà C. Hiện bà C đã trả đủ 200.000.000 đồng cho ông Tr”*. Xét thấy, lời khai của bà C và lời khai của bà Sáu, ông Tr là phù hợp với nhau và phù hợp với chứng cứ do bà C cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Xuân Đ.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Xuân Đ; có căn cứ chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân T, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Xuân Đ phải nộp 300.000 đồng. Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008034 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Xuân Đ; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân T, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 244; Điều 227 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với bà Lê Xuân Đ về việc tranh chấp nợ vay.

Buộc bà Lê Xuân Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị C số tiền nợ vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng bà Lê Xuân Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C về việc yêu cầu bà Lê Xuân Đ trả nợ hui số tiền 90.000.000 đồng.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Xuân Đ phải nộp 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự T, tỉnh Bạc Liêu. Bà Trương Thị C không phải chịu án phí; bà Trương Thị C đã nộp tạm ứng án phí 9.750.000 đồng theo Biên lai thu số 0014770 ngày 05/06/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự T, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Xuân Đ phải nộp 300.000 đồng. Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008034 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự T, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND T;
- CCTHADS T;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng